

Số: 2872/QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành định mức thu học phí năm học 2024-2025  
trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà  
khóa tuyển 2022, 2023 và 2024

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-ĐHQG ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học tự nhiên giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây viết tắt là NĐ81/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1839/ĐHQG-TC ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện mức học phí năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Trường phòng Phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Học phí đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà (kể cả sinh viên cử nhân tài năng) được thu theo học kỳ căn cứ vào tổng số tiết thực học của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ và mức thu của một tín chỉ học

phí được quy định theo năm học, trong đó 15 tiết thực học được tính là một tín chỉ học phí.

**Điều 2.** Trong năm học 2024-2025, mức thu của một tín chỉ học phí (còn gọi là đơn giá tín chỉ học phí) được xác định căn cứ vào mức học phí theo khối ngành, lĩnh vực đào tạo, loại học phần và tổng số tín chỉ học phí toàn khóa học theo quy định hiện hành. Mức thu của một tín chỉ học phí trong năm học 2024-2025 đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà khóa tuyển 2022, khóa tuyển 2023 và khóa tuyển 2024 theo loại học phần được quy định tại **phụ lục I** đính kèm quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Trường các phòng, trưởng các khoa, các cá nhân liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Như điều 4;
- Lưu: VT, ĐT, KHTC, CTSV ✓







## PHỤ LỤC I

### Định mức thu học phí năm học 2024-2025 trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà Khóa tuyển 2022, 2023 và 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2872/QĐ-KHTN ngày 11 tháng 10 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

1. Đơn giá tín chỉ học phí đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà khóa tuyển 2022, khóa tuyển 2023 và khóa tuyển 2024 theo quy định sau đây:

| STT           | Tên ngành đào tạo   | Thời gian đào tạo | Khối kiến thức giáo dục đại cương |                             |  |   | Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp  | Định mức học phí năm học 2024-2025 | Định mức tổng học phí CTĐT (4 năm) tính tại năm học 2024-2025 |
|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------------------|-----------------------------|--|---|--|------------------------------------|---|
|               |                     |                   | Đơn giá/ 01 tín chỉ học phí       |                             |  |   | Đơn giá/01 tín chỉ học phí các học phần của khối kiến thức GDCN gồm: CS ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp... |                                    |   |
|               |                     |                   | Tin học cơ sở                     | Lý luận chính trị, KT-XH-PL | Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục thể chất | Các học phần còn lại của khối kiến thức GDĐC gồm: Toán, Vật lý, Hóa, Sinh, Môi trường, Địa chất, Tin học thuộc ngành CNTT.... |  |                                    |   |
| Số thứ tự cột |                     |                   | 1                                 | 2                           | 3  | 4   | 5  | 6                                  | 7   |
| 1             | Vật lý học          | 4 năm             | 370.000                           | 370.000                     | 370.000  | 556.000   | 556.000  | 24.700.000                         | 98.800.000  |
| 2             | Hải dương học       | 4 năm             | 370.000                           | 370.000                     | 370.000  | 556.000   | 556.000  | 24.700.000                         | 98.800.000  |
| 3             | Kỹ thuật hạt nhân   | 4 năm             | 370.000                           | 370.000                     | 370.000  | 556.000   | 586.000  | 24.700.000                         | 98.800.000  |
| 4             | Khoa học môi trường | 4 năm             | 370.000                           | 370.000                     | 370.000  | 556.000   | 587.000  | 24.700.000                         | 98.800.000  |